TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Ngọc Kiều

Bà Nguyễn Bé Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên– Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp*

*ly hôn"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Ấp 9, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp Kinh Tám, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 01 năm 2021 nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Được sự đồng ý của gia đình hai bên năm 2010 bà và ông Phạm Văn B làm đám cưới chung sống với nhau đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc và có một con chung. Thời gian gần đây vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã ly thân hai năm nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn B.

Về con chung: Có một con chung tên Phạm Văn Đ, sinh ngày 14/5/2011 hiện sống với ông B. Sau khi ly hôn con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Phạm Văn B, Tòa án nhân dân huyện U Minh đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cùng với giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Thị T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:* Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 56, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Phạm Văn B; giao con chung tên Phạm Văn Đ, sinh ngày 14/5/2011 cho ông Phạm Văn B tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu nên không xem xét; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn B tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22/02/2021 bà Trần Thị T nộp đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông B theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn B làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010 đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị T và ông Phạm Văn B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông B Văn Bình vì bà T xác định thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong sinh

hoạt hàng ngày, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã ly thân hai năm nay. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn B nhưng ông Phạm Văn B không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà T và ông B không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị T ly hôn với ông Phạm Văn B.

[3] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn B có một con chung tên Phạm Văn Đ, sinh ngày 14/5/2011 hiện sống với ông Phạm Văn B. Xét thấy, hiện nay con chung do ông B nuôi dưỡng, bà T xác định con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng đồng thời cháu Phạm Văn Đ cũng có nguyện vọng được sống chung với ông B. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Phạm Văn Đ cho ông B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Ông Phạm Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông B cũng không có ý kiến gì đối với việc bà T xác định quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T xin ly hôn với ông Phạm Văn B.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Văn Đ, sinh ngày 14/5/2011 cho ông Phạm Văn B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trần Thị T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở. Ông Phạm Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006165 ngày 28/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị T, ông Phạm Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thực hiện niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Thuận, huyện U Minh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Mộng Chi